

LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 197

LUẬN VỀ TRÍ (Phần 2)

Hỏi: Nếu pháp làm Sở duyên cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không phải là Sở duyên cho pháp ấy chăng?

Đáp: Không có lúc nào không phải là Sở duyên.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với pháp Sở duyên duyên chấp rằng pháp Sở duyên duyên không có Thể tánh thật sự, hiển bày về Sở duyên duyên là pháp có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, không có lúc nào không phải là Sở duyên, bởi vì tâm-tâm sở pháp xác định đối với sở duyên.

Hỏi: Thế nào là tâm-tâm sở pháp xác định đối với sở duyên, là xác định đối với nơi chốn, hay là xác định đối với màu sắc xanh-vàng..., hay là xác định đối với sát-na?

Đáp: Trong này có người nói: Tâm-tâm sở pháp chỉ xác định đối với nơi chốn, không phải là xác định đối với màu sắc xanh-vàng... và sát-na. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu xác định đối với màu sắc xanh-vàng... và sát-na, thì vô lượng tâm-tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi, muốn làm cho không có lỗi như vậy, cho nên chỉ xác định đối với nơi chốn.

Hỏi: Nếu chỉ xác định đối với nơi chốn thì trong Sắc xứ ấy có nhiều loại Sắc tánh như xanh-vàng...; nếu đối với loại này không xác định, lúc ấy rõ ràng màu xanh thì nhận biết vẫn rõ ràng, đỏ-vàng... còn lại cũng như vậy. Không có thể cùng một sự nhận biết mà có nhiều tánh rõ ràng, bởi vì không có hai quyết định?

Đáp: Có người nói: Tâm-tâm sở pháp xác định đối với nơi chốn, cũng xác định đối với màu sắc xanh-vàng..., chứ không phải là xác định đối với sát-na. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu xác định đối với sát-na

thì vô lượng tâm-tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi, đừng có lỗi này cho nên không nói là xác định đối với sát-na.

Hỏi: Nếu như vậy thì như trong màu xanh có nhiều loại xanh, đó là gốc xanh-thân xanh-cành xanh-lá xanh-hoa xanh-quả xanh; nếu đối với loại này không nói xác định, lúc ấy rõ ràng là gốc thì nhận biết vẫn rõ ràng, thân-cành...còn lại cũng như vậy. Không có thể cùng một sự nhận biết mà có nhiều tánh rõ ràng, bởi vì không có hai quyết định?

Nói như vậy thì tâm-tâm sở pháp xác định đối với ba loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì vô lượng tâm-tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi?

Đáp: Cho dù vô lượng tâm-tâm sở pháp trú trong pháp không sinh khởi thì đâu có lỗi gì, đời vị lai rộng rãi không có nơi dung nạp hay sao? Nhưng mà pháp ấy trước đây đã có nơi tồn tại.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp nếu như xác định đối với sở duyên thì cũng xác định đối với sở y chăng?

Đáp: Đối với sở y cũng xác định, đó là năm Thức như Nhãn... và pháp tương ứng, ở đời vị lai cách xa với sở y, hiện tại thì cùng với quá khứ lại cách xa.

Có người nói: Vị lai cách xa với sở y, hiện tại-quá khứ cùng chung với sở y.

Nghĩa còn lại nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn.

Hỏi: Nếu pháp làm Tăng thượng cho pháp ấy, thì có lúc pháp này không phải là Tăng thượng cho pháp ấy chăng?

Đáp: Không có lúc nào không phải là Tăng thượng.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với tánh của Tăng thượng duyên chấp rằng Tăng thượng duyên không phải là có thật, hiển bày về Thể tánh của Tăng thượng duyên là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Duyên hòa hợp cho nên các pháp sinh diệt, duyên này không có lúc nào không hòa hợp, tại sao các pháp không luôn luôn sinh diệt?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Các pháp sinh diệt hòa hợp khác nhau, nghĩa là duyên khác hòa hợp cho nên các pháp sinh ra, duyên khác hòa hợp cho nên các pháp diệt đi, vì thế cho nên không luôn luôn sinh diệt.”

Lại nữa, pháp này sinh rồi thì pháp khác sinh theo, có nhiều sát-na lần lượt áp sát nhau, vì thế cho nên không có công năng sinh khởi trở

lại; như người rơi xuống vách núi, do đất đá sụt lở đè ép mà sắp đứng lên lại bị đè xuống, người ấy lúc bấy giờ còn không có thể cử động được, huống gì đứng dậy được? Các pháp cũng như vậy, vì thế cho nên không có lỗi luôn luôn sinh diệt.

Nghĩa còn lại nói rộng ra như phẩm luận về Trí trong chương Tạp Uẩn.

Các Ý xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người chấp: Tâm sở tức là tâm. Hoặc có người nói: Xúc tức là Căn-Cảnh-Thức. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về tâm sở không phải là tâm, mà có Thể của Xúc riêng biệt tương ứng với tâm.

Lại vì ngăn chặn sự nghi ngờ của người khác, đó là hoặc có người nghi rằng Nhãn xúc cho đến Thân xúc gọi là ba hòa hợp thì nghĩa có thể như vậy, bởi vì Căn-Cảnh-Thức ấy cùng lúc sinh khởi, Ý xúc cũng gọi là Xúc do ba hòa hợp thì làm sao có thể như vậy? Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Ý căn là quá khứ, Ý thức là pháp hiện tại, hoặc là ba đời, hoặc là tách rời thời gian. Nay muốn quyết định hiển bày về Ý xúc cũng gọi là Xúc do ba hòa hợp, bởi vì không trái ngược lẫn nhau, cùng sinh ra một quả gọi là hòa hợp, chứ không phải là chỉ cùng lúc khởi lên gọi là hòa hợp.

Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Ý xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp chăng?

Đáp: Các Ý xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp, bởi vì không có Xúc nào không do ba hòa hợp.

Có Xúc do ba hòa hợp mà không phải là Ý xúc, đó là năm Thức thân tương ứng với Xúc. Vì vậy Đức Thế Tôn nói rằng: “Tỳ kheo nên biết! Có Ý giới, có Pháp giới, có Vô minh giới, Vô minh do Xúc mà sinh ra Thọ, do Thọ mà Xúc, cho nên người ngu không có hiểu biết liền chấp có, chấp không có, hoặc là chấp có-không có.”

Trong này, có Ý giới, đó là Ý giới quá khứ; có Pháp giới, đó là Pháp giới ba đời; có Vô minh giới, đó là Vô minh giới hiện tại; Vô minh do Xúc..., đó là ngu muội đối với Sự thuộc về Vô ngã; liền chấp có, đó là khởi lên Thường kiến; liền chấp không có, đó là khởi lên Đoạn kiến; hoặc là chấp có-không có, đó là khởi lên Đoạn kiến-Thường kiến.

Hiếp Tôn giả nói: “Trong này ý nói: Ngu muội đối với tự Thể gọi là Vô minh giới, sáu Thức thân ấy không ngừng diệt đi gọi là Ý giới, lúc bấy giờ do tâm-tâm sở pháp mà chuyển gọi là Pháp giới, Vô minh do Xúc... nói như trước.”

Hỏi: Năm Thức tương ứng với Xúc do Căn-Cảnh-Thức hiện tại mà có, gọi là Xúc do ba hòa hợp thì nghĩa này có thể như vậy; Ý thức tương ứng với Xúc thì Căn ở quá khứ, Cảnh hoặc là vị lai, Thức ở hiện tại, làm sao gọi là Xúc do ba hòa hợp? Đáp: Hòa hợp có hai loại: 1-Cùng lúc khởi lên không tách rời nhau thì gọi là hòa hợp; 2-Cùng làm một việc không trái ngược nhau thì gọi là hòa hợp. Năm Thức tương ứng với Xúc đó hai loại hòa hợp cho nên gọi là hòa hợp, Ý thức tương ứng với Xúc do hòa hợp cùng làm một việc cho nên gọi là hòa hợp. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì như năm Thức, Căn-Cảnh hiện tại vốn có tác dụng như vậy, Căn-Cảnh của Ý thức khác nhau về đời, cho nên tác dụng cũng khác nhau.

Vì thế cho nên Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì Căn-Cảnh-Thức cùng làm một việc cho nên gọi là hòa hợp, không phải là bởi vì cùng lúc khởi lên không tách rời nhau cho nên gọi là hòa hợp. Như ba pháp này hễ ở bất cứ lúc nào, cũng đều có thể lần lượt chuyển đổi cùng làm một việc, cho nên đều gọi là hòa hợp.”

Có người khác đối với điều này đưa ra vấn đề thêm nhiều:

Hỏi: “Các Nhãn xúc cho đến Thân xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp chăng?”

Đáp: Các Nhãn xúc cho đến Thân xúc thì lúc ấy tất cả các Xúc là do ba hòa hợp. Có Xúc do ba hòa hợp mà không phải là Nhãn xúc cho đến Thân xúc, đó là Ý thức thân tương ứng với Xúc.”

Nhưng nay không đưa ra cách nói này là có ý gì? Bởi vì muốn hiển bày trong này chỉ thành lập về nghĩa thành tựu không đến mức cuối cùng, Nhãn xúc cho đến Thân xúc gọi là Xúc do ba hòa hợp, nghĩa tự nhiên thành lập cho nên không nói đến; Ý xúc gọi là Xúc do ba hòa hợp, nghĩa không phải là thành tựu đến mức cuối cùng, vì vậy cho nên nói đến. Do đó như trước đã tụng là hợp lý.

Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là tự mình chấp hay sao? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Trong chương Kiến Uẩn này chỉ cần phân biệt về Kiến, tại sao phân biệt về Mạn?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Bởi vì tương tự, nghĩa là trong tất cả phiền não không có phiền não nào không phải là tự tánh thuộc Kiến, mà tựa như Kiến chuyển đổi thì giống như Mạn.

Có người nói: Trước đã nói trong mỗi một Uẩn phân biệt về tất cả các pháp, nếu trong Uẩn này không phân biệt về Mạn thì làm sao gọi là mỗi một Uẩn phân biệt về tất cả các pháp? Vì thế cho nên trong này cũng phân biệt về Mạn.

Hỏi: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là tự mình chấp hay sao?

Đáp: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là tự mình chấp, bởi vì Mạn là pháp tự mình đưa ra, tự mình dựa vào mà tranh chấp với nhau.

Có lúc tự mình chấp mà không phải là Mạn, đó là các kiến chấp. Vì vậy Đức Thế Tôn nói rằng: “Tỳ kheo nên biết! Tự mình chấp có Ngã, tự mình chấp có Ngã sở.”

Trong này, tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Ngã kiến; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Ngã sở kiến.

Lại nữa, tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về năm Ngã kiến; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về mười lăm Ngã sở kiến.

Lại nữa, tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về hành tướng của chấp Ngã; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về hành tướng của chấp Ngã sở.

Có người đưa ra cách nói này: Tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Ngã ái; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Ngã sở ái.

Có Sư khác nói: Tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Ngã ngu; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Ngã sở ngu.

Lại có người nói: Tự mình chấp có Ngã, là biểu hiện rõ ràng về Tát-ca-da kiến không có phân biệt sự việc nào khác; tự mình chấp có Ngã sở, là biểu hiện rõ ràng về Tát-ca-da kiến có phân biệt các sự việc khác.

Trong tất cả phiền não không có phiền não nào không phải là tự tánh thuộc Mạn, mà tựa như Mạn chuyển đổi thì giống như Kiến, cho nên nói kiến chấp là tự mình chấp chứ không phải là Mạn.

Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là không vắng lặng hay sao?

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước đây chỉ phân biệt về hành tướng tương tự của Mạn và Kiến, chưa phân biệt về hành tướng tương tự với tất cả phiền não, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là không vắng lặng hay sao?

Đáp: Các Mạn thì tất cả Mạn ấy là không vắng lặng, bởi vì Mạn là pháp tự mình đưa ra, tự mình dựa vào mà tranh chấp với nhau.

Có lúc không vắng lặng mà không phải là Mạn, đó là các phiền não khác hiện rõ ở trước mắt. Vì vậy Đức Thế Tôn nói rằng: “Tỳ kheo nên biết! Động là bị ma ràng buộc, không động thì thoát khỏi hành ác.”

Trong này, các phiền não khác, đó là Kiến-Nghi-Vô minh-Tham-Sân-Tiền-Cấu; hiện rõ ở trước mắt, là biểu hiện về tướng không vắng lặng.

Hỏi: Vì sao phiền não hiện tại có tướng không vắng lặng chứ không phải là quá khứ-vị lai?

Đáp: Phiền não hiện tại làm chướng ngại Thánh đạo và gia hạnh của Thánh đạo ở trong thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại có thể chọn lấy quả, mang lại quả ở trong thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại có thể giữ lấy quả Đăng lưu, quả Di thực ở trong thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại có thể làm cho thân của mình trở thành đáng chê trách, đáng ghét bỏ, đáng xa lìa; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại đốt cháy thân của mình, tổn hoại thân của mình, bức não thân của mình; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại làm hại mình, làm hại người, hoặc là làm hại cả hai; phiền não quá khứ và vị lai thì không như vậy.

Lại nữa, phiền não hiện tại là tánh không vắng lặng, có tác dụng không vắng lặng, vì thế cho nên nói đến; phiền não quá khứ và vị lai là tánh không vắng lặng, mà không có tác dụng không vắng lặng, cho nên không nói đến.

Động là bị ma ràng buộc, không động thì thoát khỏi hành ác, trong này câu đầu là hiển bày về không vắng lặng thì bị ma phiền não ràng buộc, câu sau là hiển bày về vắng lặng thì thoát khỏi tánh của Thiên ma, bởi vì xấu xa hiểm ác thì chỉ có Thiên ma.

Có Sư khác nói: Trong này cả hai câu đều biểu hiện rõ ràng về tánh của ma phiền não, bởi vì các phiền não làm hại pháp thiện, cho

nên gọi là ma; bởi vì khởi lên nghiệp ác cho nên lại gọi là ác. Nếu các hữu tình không vắng lặng thì bị phiền não ràng buộc, nếu có thể vắng lặng tu tập đối trị thì sẽ được thoát khỏi sự ràng buộc của phiền não.

Hỏi: Các nghiệp thì nghiệp ấy là không luật nghi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là nghiệp mà không phải là không luật nghi, đó là luật nghi của thân-ngữ.

2. Có lúc là không luật nghi mà không phải là nghiệp, đó là căn không luật nghi.

3. Có lúc là nghiệp mà cũng là không luật nghi, đó là thân-ngữ không luật nghi.

4. Có lúc không phải là nghiệp mà cũng không phải là không luật nghi, đó là căn luật nghi.

Hỏi: Các nghiệp thì nghiệp ấy là luật nghi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là nghiệp mà không phải là luật nghi, đó là thân-ngữ không luật nghi.

2. Có lúc là luật nghi mà không phải là nghiệp, đó là căn luật nghi.

3. Có lúc là nghiệp mà cũng là luật nghi, đó là thân-ngữ luật nghi.

4. Có lúc không phải là nghiệp mà cũng không phải là luật nghi, đó là căn không luật nghi.

Hỏi: Trong này, căn luật nghi và căn không luật nghi lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Căn luật nghi dùng ý niệm nhận biết đúng đắn (niệm chánh tri) làm tự tánh, căn không luật nghi dùng ý niệm quên mất không nhận biết đúng đắn (vong niệm bất chánh tri) làm tự tánh.

Tại sao biết như vậy? Bởi vì lấy kinh làm lượng. Như trong kinh nói: “Lúc ấy có Thiên thần nói với Tỳ kheo rằng: Này Tỳ kheo! Tỳ kheo đừng để lộ mụn nhọt lở loét. Tỳ kheo trả lời rằng: Tôi sẽ che lại. Thiên thần lại hỏi rằng: Mụn nhọt lở loét đã lớn thì lấy gì có thể che kín? Tỳ kheo trả lời rằng: Tôi sẽ dùng ý niệm nhận biết đúng đắn để che kín. Thiên thần liền khen rằng: Khéo thay, khéo thay! Có thể che kín như vậy thì đúng là khéo che kín.”

Vì vậy cho nên biết căn luật nghi dùng ý niệm nhận biết đúng đắn làm tự tánh, căn không luật nghi dùng ý niệm quên mất không nhận biết

đúng dẫn làm tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Đầy đủ niệm và nhận biết đúng dẫn cho nên có thể đầy đủ căn luật nghi.” Lẽ nào dùng tự tánh để làm đầy đủ tự tánh hay sao?

Đáp: Niệm và nhận biết đúng dẫn có tánh của nhân, có tánh của quả. Tánh của nhân thì dùng tên gọi về ý niệm nhận biết đúng dẫn mà nói, tánh của quả thì dùng tên gọi của luật nghi mà nói, bởi vì nhân đầy đủ làm cho quả đầy đủ trọn vẹn, vì thế cho nên không có gì sai.

Có người nói: Căn luật nghi lấy không phóng túng làm tự tánh, căn không luật nghi lấy phóng túng làm tự tánh.

Có người nói: Căn luật nghi lấy sáu pháp luôn luôn an trú (hằng trú) làm tự tánh, căn không luật nghi bởi vì dựa vào sáu căn sinh ra các phiền não để làm tự tánh.

Có người nói: Căn luật nghi lấy căn vĩnh viễn đoạn-biết khắp-các hành diệu và căn thiện làm tự tánh, căn không luật nghi lấy căn không vĩnh viễn đoạn-không biết khắp-các phiền não-hành ác và căn bất thiện làm tự tánh. Như vậy thì dùng hành diệu-hành ác làm Thể của căn luật nghi và căn không luật nghi.

Có người nói: Căn luật nghi dùng căn không thành tựu-không vĩnh viễn đoạn-không biết khắp và thành tựu đạo đối trị của nó làm tự tánh, căn không luật nghi dùng căn thành tựu-không vĩnh viễn đoạn-không biết khắp và không thành tựu đạo đối trị của nó làm tự tánh. Như vậy căn luật nghi-căn không luật nghi đều dùng sự thành tựu-không thành tựu làm Thể.

Có người nói: Căn luật nghi dùng pháp không nhiễm ô làm tự tánh, căn không luật nghi dùng pháp nhiễm ô làm tự tánh. Như vậy căn luật nghi-căn không luật nghi đều dùng năm Uẩn làm Thể tánh của mình.

Xưa trong chùa Chiêu Cát Tường ở nước Ca-thấp-di-la có anh em hai vị A-la-hán, cả hai đều là Pháp sư, thế gian gọi là Nan-địa-ca-tử. Họ nói căn luật nghi-căn không luật nghi, đều dùng căn luật nghi-căn không luật nghi trong Hành uẩn bất tương ưng vô phú vô ký làm tự tánh. Thành lập tự tánh này gọi là Thể, là có thật. Đây là thâm nhiếp ở trong tâm bất tương ưng hành lại có loại khác.

Hỏi: Nếu căn luật nghi-căn không luật nghi, đều dùng Hành uẩn vô phú vô ký làm tự tánh, thì điều này có gì sai biệt?

Đáp: Hành uẩn vô phú vô ký này có lúc tùy thuận phẩm thiện, có lúc tùy thuận phẩm phiền não. Tùy thuận phẩm thiện thì gọi là căn luật

nghi, tùy thuận phẩm phiền não thì gọi là căn không luật nghi.

Nếu Sự chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Ở trong năm loại Sự-mười loại Sự đã nói trước đây, trong này dựa vào Sự thuộc tự tánh mà soạn luận, bởi vì muốn ngăn chặn ý nói là không có tánh thành tựu-không thành tựu, để hiển bày về tánh thành tựu-không thành tựu là có thật.

Hỏi: Nếu Sự chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu chẳng?

Đáp: Nếu Sự chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu, đó là quán Bất tịnh-Trì tức niệm, Niệm trú-ba Nghĩa quán-bảy Xứ thiện, Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, Kiến đạo-Tu đạo và đạo Vô học. Những Sự như vậy nếu chưa đạt được thì Sự ấy không thành tựu.

Có Sự không thành tựu mà không phải là chưa đạt được, đó là đạt được rồi mất, đây là nói đến quán Bất tịnh...trước đây, không phải là chưa đạt được mà không thành tựu.

Hỏi: Nếu Sự đã đạt được thì Sự ấy thành tựu chẳng?

Đáp: Nếu Sự thành tựu thì Sự ấy đã đạt được, đó chính là quán Bất tịnh... trước đây, đạt được rồi không mất.

Có Sự đã đạt được mà không thành tựu, đó là đạt được rồi mất, đây là nói đến quán Bất tịnh... trước đây, đã đạt được mà mất.

Trừ ra Khổ thánh đế và Pháp xứ..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Các pháp thâm nhiếp tánh khác chứ không thâm nhiếp tự tánh, Tập đế chỉ là Ái, Đạo đế chỉ là tám chi Thánh đạo.

Hoặc có người nói: Pháp xứ thâm nhiếp tất cả các pháp.

Hoặc có người nói: Pháp xứ chỉ là phi sắc.

Hoặc có người nói: Không có hai đời quá khứ-vị lai.

Hoặc có người nói: Năm Thức chỉ là tánh vô ký.

Bởi vì ngăn chặn các loại chấp trước lạ lùng như vậy, và hiển bày về nghĩa tương ứng của pháp tương, cho nên soạn ra phần luận này.

Nói “Trừ ra” là có hai ý nghĩa, một là muốn thiết lập vững vàng, hai là muốn ngăn chặn loại bỏ. Trong này nói “Trừ ra” là muốn ngăn chặn loại bỏ.

Trừ ra Khổ thánh đế và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này Khổ thánh đế, đó là tất cả các pháp hữu lậu, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai

Xứ, phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, đó là bảy loại pháp, tức là Tướng-Thọ-Hành uẩn, Vô biểu sắc và ba Vô vi. Pháp còn lại, đó là tâm vô lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp hai Giới đó là Ý giới-Ý thức giới, một Xứ đó là Ý xứ, một Uẩn đó là Thức uẩn.

Trừ ra Tập thánh đế và Pháp xứ, nói cũng như vậy. Bởi vì Khổ-Tập có nghĩa khác nhau mà Thể không khác nhau.

Trừ ra Diệt thánh đế và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này Diệt Thánh đế, đó là Trạch diệt-Vô vi, tức là Pháp giới và phần ít của Pháp xứ. Pháp xứ, đó là bảy loại pháp nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra Đạo thánh đế và Pháp xứ, nói cũng như vậy. Trong này, bởi vì sự thâm nhiếp giống nhau về số lượng, cho nên nói là cũng như vậy. Nhưng Đạo thánh đế, đó là pháp hữu vi vô lậu, gồm ba Giới tức là Ý giới-Ý thức giới-Pháp giới, hai Xứ tức là Ý xứ-Pháp xứ, phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp có Sắc và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp bảy Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp có Sắc, đó là bốn đại chủng và sở tạo, tức là mười Giới-phần ít của một Giới, mười Xứ-phần ít của một Xứ, một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp bảy tâm Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp không có Sắc và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có Sắc, đó là tâm-tâm sở pháp, bất tương ưng hành và vô vi, tức là bảy tâm Giới-phần ít của một Giới, một Xứ-phần ít của một Xứ, bốn Uẩn trừ ra Sắc uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có thấy và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười sáu Giới-mười Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp có thấy, đó là hiện hành của Nhãn, tức là một Giới-một Xứ và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối-không có thấy. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười sáu Giới trừ ra Sắc giới và Pháp giới, mười Xứ trừ ra Sắc xứ và Pháp xứ, do hai Uẩn thâm nhiếp là Sắc uẩn và Thức uẩn.

Trừ ra pháp không có thấy và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp

một Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có thấy, đó là trừ ra hiện hành của Nhãn, còn lại tất cả các pháp, tức là mười bảy Giới-mười một Xứ-bốn Uẩn và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là hiện hành của Nhãn. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có đối và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp bảy Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp có đối, đó là trừ ra Vô biểu, còn lại tất cả các Sắc, tức là mười Giới-mười Xứ và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp bảy tâm Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp không có đối và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có đối, đó là trừ ra Sắc có đối, còn lại tất cả các pháp, tức là tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn và phần ít của một Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp hữu lậu và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp hữu lậu, đó là Khổ-Tập đế, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tâm vô lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp vô lậu và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp vô lậu, đó là Diệt-Đạo đế và hai Vô vi, tức là ba Giới-hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hữu vi và Pháp xứ, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cơ luận bàn trống không. Trong này pháp hữu vi, đó là Khổ-Tập-Đạo đế, tức là mười bảy Giới-phần ít của một Giới, mười một Xứ-phần ít của một Xứ và năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâm nhiếp, vì thế cho nên ở đây gọi là vô cơ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp vô vi và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp vô vi, đó là Hư không Trạch diệt và Phi trạch diệt, tức là một Giới và phần ít của một Xứ. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tất cả các tâm. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp quá khứ và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp quá khứ, đó là các pháp đã sinh-đã diệt, tức là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm thuộc vị lai-hiện tại. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp vị lai-pháp hiện tại và Pháp xứ, nói cũng như vậy; bởi vì thời gian khác biệt mà chủng loại không khác nhau.

Trừ ra pháp thiện và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp thiện, đó là pháp có thể đạt được quả yêu thích và tự tánh an ổn, tức là mười Giới-bốn Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm thuộc bất thiện-vô ký. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp bất thiện và Pháp xứ, nói cũng như vậy; bởi vì chủng loại khác biệt mà thâm nhiếp không khác nhau.

Trừ ra pháp vô ký và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp chín Giới-ba Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp vô ký, đó là pháp không đạt được quả yêu thích-không yêu thích và không phải là tự tánh an ổn, tức là tám Giới-phần ít của mười Giới, tám Xứ-phần ít của bốn Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối và tâm thuộc thiện-bất thiện. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp chín Giới-ba Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Dục và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười ba Giới-chín Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Dục, đó là do Ái của cõi Dục mà tùy tăng, tức là bốn Giới-phần ít của mười bốn Giới, hai Xứ-phần ít của mười Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối hệ thuộc cõi Sắc và tâm hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc cùng với không hệ thuộc. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười ba Giới-chín Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Sắc và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Sắc, đó là do Ái của cõi Sắc mà tùy tăng, tức là mười bốn Giới-mười Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là Sắc có đối hệ thuộc cõi Dục và tâm hệ thuộc cõi Dục-Vô sắc cùng với không hệ thuộc. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Vô sắc-pháp Học-pháp Vô học và Pháp

xứ, nói cũng như vậy; đây là bởi vì sự thâm nhiếp giống nhau về số lượng.

Trừ ra pháp Phi học phi vô học và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp Phi học phi vô học, đó là tất cả pháp hữu lậu và vô vi, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tâm vô lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp do Kiến mà đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp do Kiến mà đoạn, đó là do Nhãn mà đối trị, tức là ba Giới-hai Xứ và phần ít của bốn Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối và tâm do Tu mà đoạn cùng với không đoạn. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp do Tu mà đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp do Tu mà đoạn, đó là do Trí mà đối trị, tức là mười lăm Giới-phần ít của ba Giới, mười Xứ-phần ít của hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tâm do Kiến mà đoạn và không đoạn. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp hai Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp không đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp không đoạn, đó là tất cả pháp vô lậu, tức là ba Giới-hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp đã sinh và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp đã sinh, đó là pháp quá khứ-hiện tại, tức là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn; pháp nhất định không sinh, đó là pháp quá khứ-hiện tại, và pháp nhất định không sinh thuộc vị lai, cùng với vô vi bởi vì đã sinh cho nên đạt được, bởi vì không sinh cho nên không có sinh. Quyết định không sinh thì pháp này cũng là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp còn lại, đó là pháp đang sinh và có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này cũng thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không phải là đã sinh và pháp nhất định không sinh, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cơ luận bàn

trống không. Trong này pháp không phải là đã sinh, đó là pháp vị lai và vô vi, tức là mười tám Giới-mười hai Xứ-phần ít của năm Uẩn. Pháp nhất định không sinh, nói như trước. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâm nhiếp, vì thế cho nên nói là vô cố luận bàn trống không.

Trừ ra pháp có Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn. Trong này pháp có Sắc và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp đang sinh-có thể sinh, các tâm-tâm sở và tâm bất tương ứng hành. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn.

Trừ ra pháp không có Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười một Giới-mười một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có Sắc và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp có Sắc đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười một Giới-mười một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có thấy và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp có thấy và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp không có thấy đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không có thấy và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có thấy và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các Sắc có thấy đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp một Giới-một Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp tám Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp có đối và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp không có đối đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp tám Giới-hai Xứ-bốn Uẩn.

Trừ ra pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các Sắc có đối đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp vô lậu

đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp vô lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp vô lậu và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp hữu lậu đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hữu vi và pháp nhất định không sinh, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cơ luận bàn trống không. Trong này pháp hữu vi và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâm nhiếp, vì thế cho nên nói là vô cơ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp vô vi và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp vô vi và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp hữu vi đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp quá khứ-pháp hiện tại và pháp nhất định không sinh, nói cũng như vậy. Trong này, pháp còn lại đều nói là các pháp hữu vi đang sinh-có thể sinh, vì thế cho nên pháp này đều thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp vị lai và pháp nhất định không sinh, đây là trừ ra tất cả các pháp mà hỏi về pháp khác, là vô cơ luận bàn trống không. Trong này pháp vị lai và pháp nhất định không sinh, thâm nhiếp đầy đủ tất cả pháp hữu vi-vô vi. Trừ pháp này ra lại không có pháp nào khác có thể thâm nhiếp, vì thế cho nên nói là vô cơ luận bàn trống không.

Trừ ra pháp thiện và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp thiện và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp bất thiện-vô ký đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp bất thiện và pháp nhất định không sinh, nói cũng như vậy; bởi vì đối với pháp còn lại đã thâm nhiếp giống nhau.

Trừ ra pháp vô ký và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười Giới-bốn Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp vô ký và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp thiện-bất thiện đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười Giới-bốn Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Dục và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười bốn Giới-mười Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Dục và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và pháp không hệ thuộc đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bốn Giới-mười Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hệ thuộc cõi Sắc và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp hệ thuộc cõi Dục-Vô sắc và pháp không hệ thuộc đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp hệ thuộc cõi Vô sắc-pháp Học-pháp Vô học và nhất định không sinh, nói cũng như vậy; bởi vì đối với pháp còn lại thâm nhiếp giống nhau về số lượng.

Trừ ra pháp Phi học phi vô học và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp Phi học phi vô học và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp Học-Vô học đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp do Kiến mà đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp do Kiến mà đoạn và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp do Tu mà đoạn và không đoạn đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp do Tu mà đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp do Tu mà đoạn và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp do Kiến mà đoạn và không đoạn đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không đoạn và Pháp xứ, pháp còn lại thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn. Trong này pháp không đoạn, đó là tất cả pháp vô lậu, tức là ba Giới-hai Xứ và phần ít của năm Uẩn. Pháp xứ, nói như trước. Pháp còn lại, đó là tất cả Sắc có đối và tâm hữu lậu. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười bảy Giới-mười một Xứ-hai Uẩn.

Trừ ra pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn

lại thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn. Trong này pháp không có đối và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các Sắc có đối đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười Giới-mười Xứ-một Uẩn.

Trừ ra pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là các pháp vô lậu đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp ba Giới-hai Xứ-năm Uẩn.

Trừ ra pháp không đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn. Trong này pháp không đoạn và pháp nhất định không sinh, nói như trước. Pháp còn lại, đó là pháp do Kiến-Tu mà đoạn đang sinh-có thể sinh. Vì thế cho nên pháp này thâm nhiếp mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Hỏi: Có thể có một Giới-một Xứ-một Uẩn thâm nhiếp tất cả các pháp chăng?

Đáp: Có, một Giới đó là Pháp Giới, một Xứ đó là Ý xứ, một Uẩn đó là Sắc uẩn, như vậy thì thâm nhiếp hết tất cả các pháp. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tất cả các pháp không ra ngoài năm Sự, đó là Sắc-Tâm- Tâm sở pháp-Bất tương ứng hành và Vô vi, Sắc uẩn thâm nhiếp Sắc, Ý xứ thâm nhiếp Tâm, Pháp xứ thâm nhiếp những loại còn lại, vì thế cho nên thâm nhiếp tất cả các pháp.

Lại nữa, tất cả các pháp không ra ngoài mười tám Giới, trong đó Sắc uẩn thâm nhiếp mười Sắc giới, Ý xứ thâm nhiếp bảy Tâm giới, Pháp giới thâm nhiếp Pháp giới, cho nên thâm nhiếp tất cả các pháp.

Lại nữa, tất cả các pháp đều quy vào trong Uẩn-Giới-Xứ, ba loại này lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp lẫn nhau, đó là Sắc uẩn thâm nhiếp mười Sắc giới, mười Sắc xứ, Pháp giới và phần ít của Pháp xứ; Ý xứ thâm nhiếp bảy Tâm giới và Thức uẩn; Pháp giới thâm nhiếp Pháp xứ, Thọ-Tướng-Hành uẩn và phần ít của Sắc uẩn. Vì thế cho nên ba loại này thâm nhiếp tất cả các pháp.

